

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm trước đánh giá tích cực của World Bank về triển vọng kinh tế Việt Nam

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL tiếp tục mở rộng đà tăng nhờ gói kích cầu tài khóa của Mỹ được thông qua

[Thông tin doanh nghiệp]

MWG, VHC

[Cập nhật công ty]

MWG, VHC

[Quan điểm đầu tư]

Tiếp tục nắm giữ 1 phần tỷ trọng danh mục trung hạn, chỉ mở lại các vị thế ngắn hạn khi thị trường xuất hiện nhịp điều chỉnh rõ nét

22/12/2020

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,083.45	+0.22
VN30	1,052.23	+0.24
HĐTL VN30F1M	1,060.30	+0.31
HNXIndex	187.85	+3.15
HNX30	305.04	+1.71
UPCoM	72.82	+1.65
USD/VND	23,127	+0.03
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.33	-3
Lãi suất qua đêm (%)	0.15	+5
Dầu (WTI, \$)	47.24	-1.05
Vàng (LME, \$)	1,872.55	-0.23



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,083.45 (+0.22%)
KLGD (triệu CP) 695.9 (+4.8%)
GTGD (triệu US\$) 630.9 (+1.8%)

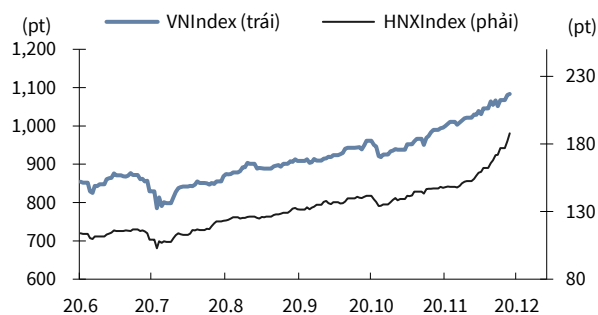
HNXIndex 187.85 (+3.15%)
KLGD (triệu CP) 114.5 (-2.5%)
GTGD (triệu US\$) 62.7 (-1.9%)

UPCoM 72.82 (+1.65%)
KLGD (triệu CP) 55.0 (-53.9%)
GTGD (triệu US\$) 32.6 (+13.2%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -3.3

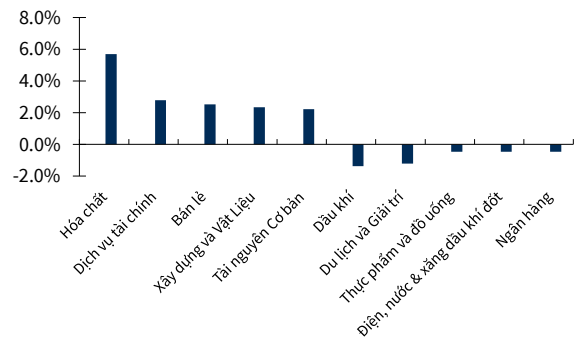
TTCK Việt Nam tăng điểm trước đánh giá tích cực của World Bank về triển vọng kinh tế Việt Nam, với dự báo tăng trưởng ở mức 6.8% trong năm 2021 và sẽ ổn định quanh mức 6.5% các năm tiếp theo. Cổ phiếu ngân hàng tăng giá trước thông tin trên ở STB (+0.9%), TPB (+3.8%). Theo Reuters, nhiều khả năng Tổng thống Donald Trump sẽ công bố các mức thuế đề xuất đối với hàng hóa Việt Nam, sau khi Bộ Tài chính Hoa Kỳ đưa Việt Nam vào danh sách thao túng tiền tệ khiến cổ phiếu nhóm dệt may TNG (-2.5%), TCM (-2.3%) và nhóm thủy sản MPC (-2.4%), FMC (-0.6%) giảm giá. Cổ phiếu nhóm hàng không giảm giá VJC (-1.7%), HVN (-0.7%) trước lo ngại diễn biến xấu tình hình dịch bệnh thế giới khi Giới chức y tế Anh phát hiện ra biến thể mới của virus SARS-CoV-2 gây đại dịch Covid-19 với khả năng lây lan nhanh hơn chủng trước đó. Khối ngoại bán ròng ở LCG (+6.84%), VNM (-0.99%), VRE (-0.33%).

VNIndex & HNXIndex



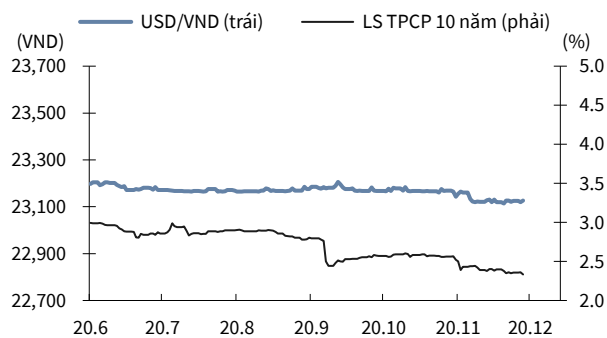
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



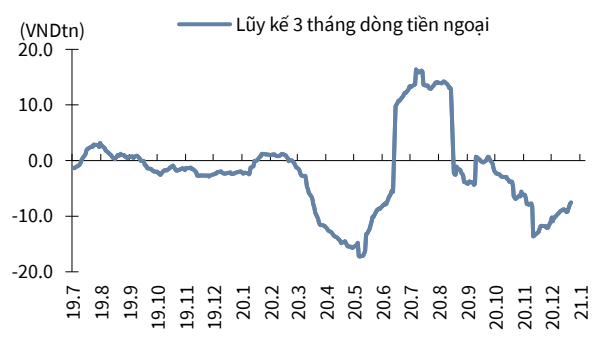
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



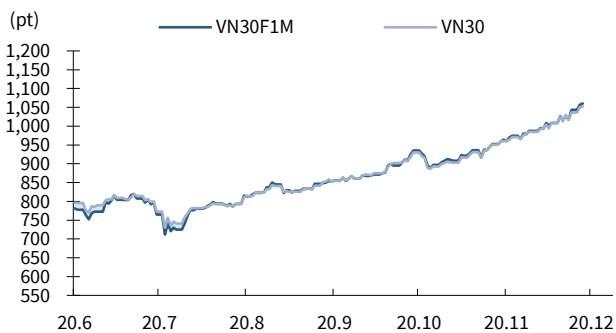
Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,052.23 (+0.24%)
VN30F1M	1,060.3 (+0.31%)
Mở cửa	1,057.0
Cao nhất	1,063.1
Thấp nhất	1,050.7
KLGD (HĐ)	151,704 (+12.2%)

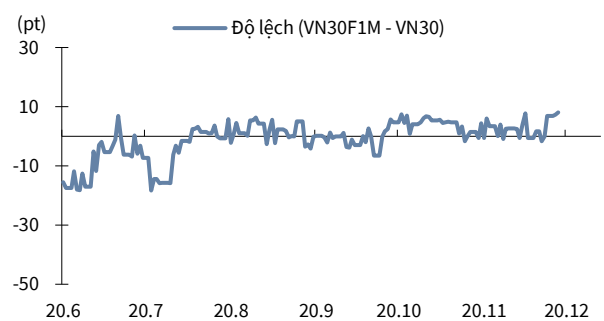
HĐTL tiếp tục mở rộng đà tăng nhờ gói kích cầu tài khóa của Mỹ được thông qua. Chênh lệch F2101 và VN30 mở cửa ở mức 8.79, tăng mạnh lên mức 12.29 trước khi giao động quanh ngưỡng 4.3 và 8.8, đóng cửa ở 8.07. NĐTNN bán ròng mạnh phiên hôm nay và thanh khoản tiếp tục được cải thiện.

HĐTL VN30F1M & VN30



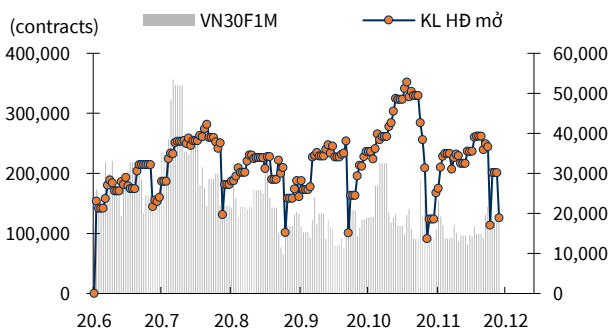
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



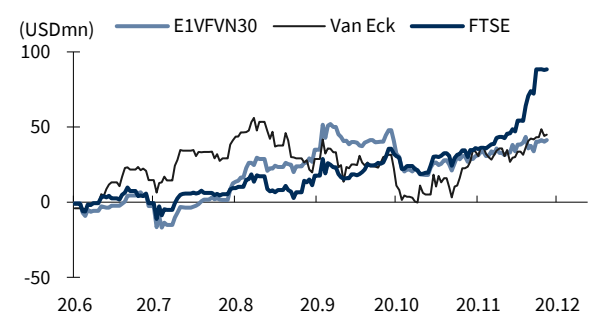
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

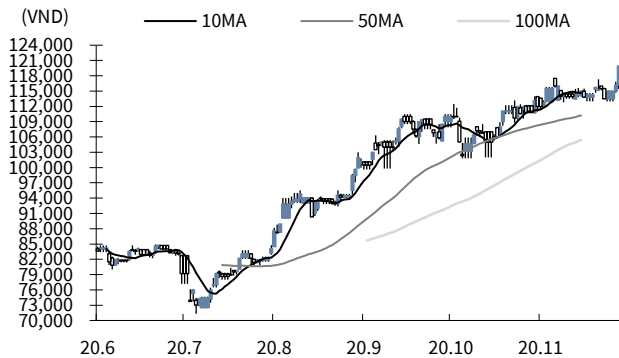
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

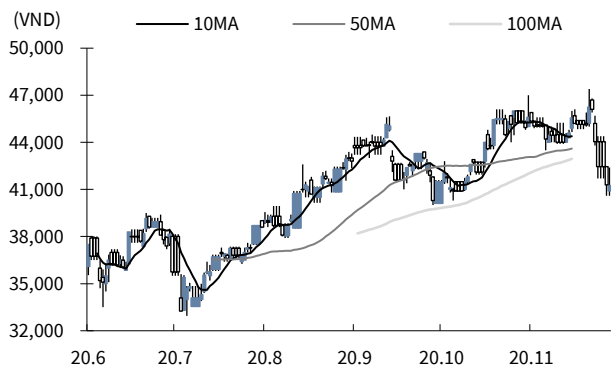
Thế Giới Di Động (MWG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- MWG tăng 3.2% lên 119,900 VNĐ/cp.
- MWG công bố KQKD tháng 11 với lợi nhuận đạt 316 tỷ đồng (+12% YoY), doanh thu 9,200 tỷ đồng (+10% YoY) nhờ sự tăng trưởng doanh thu khả quan của chuỗi Bách Hóa Xanh và Điện Máy Xanh.
- MWG đặt kế hoạch năm 2021 với lợi nhuận sau thuế 4,750 tỷ đồng, doanh thu đạt 125,000 tỷ đồng, lần lượt tăng 37.7% và 13.6% và so với kế hoạch năm 2020. Hoạt động kinh doanh bán lẻ thiết bị di động và điện máy vẫn là trụ cột, kỳ vọng đóng góp khoảng 75% tổng doanh thu.

Vinh Hoàn (VHC)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VHC giảm -0.1% xuống 41,250 VNĐ/cp.
- VHC công bố doanh thu xuất khẩu tháng 11 đạt 660 tỷ đồng (-6% YoY), trong đó doanh thu thị trường Mỹ 250 tỷ đồng (-8% YoY), Trung Quốc 150 tỷ đồng (-20% YoY) và EU 89 tỷ đồng (+85% YoY). Lũy kế 11 tháng, doanh thu xuất khẩu Vinh Hoàn đạt 6,314 tỷ đồng (-4.2% YoY).

CTCP Đầu tư Thế giới Di động (MWG)

Lợi nhuận tháng 11 tăng trưởng 2 chữ số

Lợi nhuận tháng 11 tăng trưởng hai chữ số và lợi nhuận lũy kế tăng trưởng dương

— Lợi nhuận tháng 11 tăng 12% YoY lên 316 tỷ đồng, doanh thu đạt 9,202 tỷ đồng (tăng 8% YoY) chủ yếu nhờ chuỗi Bách hóa Xanh và Điện Máy Xanh tăng trưởng khả quan. Theo ngành hàng, điện lạnh và gia dụng tiếp tục tăng trưởng dương. Thực phẩm và FMCG tăng mạnh 71% YoY trong tháng 11. Dù ngành hàng điện thoại di động bị ảnh hưởng trong bối cảnh thu nhập khả dụng và nhu cầu tiêu dùng vẫn còn yếu với mức giảm 4% YoY trong tháng 11 và 12% YoY cho 11 tháng, ngành hàng này vẫn có dấu hiệu phục hồi nhờ: (i) mở bán thành công các sản phẩm *Iphone12* và *Samsung Note 20*; (ii) các chiến dịch quảng bá cho Lễ Độc thân 11/11 và *Black Friday*; và (iii) tiếp tục mở mới mạnh mẽ mô hình ĐMX mini/supermini. Lợi nhuận từ đầu năm đến nay tăng nhẹ ở mức 3,599 tỷ đồng, tương ứng với 104% kế hoạch lợi nhuận cả năm và 93% kỳ vọng thị trường (consensus). Doanh thu trong 11 tháng đầu năm tăng 7% so với cùng kỳ năm ngoái lên 99,304 tỷ đồng, tương đương 90% so với kế hoạch doanh thu của năm và 91% kỳ vọng thị trường năm 2020E.

Tiếp tục tập trung mở rộng Điện máy Xanh Supermini (DMS) và *Bluetronics*

— MWG tiếp tục tập trung mở rộng chuỗi siêu thị điện tử gia dụng với kỷ lục mở mới 62 cửa hàng DMS mới trong tháng 11, đạt 169 cửa hàng tại 37/63 tỉnh khắp cả nước. Sau 11 tháng đầu năm, DMS đóng góp hơn 450 tỷ đồng doanh thu, tương đương khoảng 1% doanh thu Điện máy Xanh, và hơn 1 tỷ đồng mỗi cửa hàng mỗi tháng. DMS sẽ là mô hình kinh doanh chủ yếu để MWG giành thêm thị phần bán lẻ điện thoại điện máy trong tương lai. MWG cũng đã đạt 29 cửa hàng *Bluetronics*, chuỗi bán lẻ điện thoại và điện tử tiêu dùng của MWG tại Campuchia với doanh thu trên mỗi cửa hàng khoảng 1.2 tỷ đồng/cửa hàng/tháng.

Ban lãnh đạo phấn đấu đạt mức tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận hai con số năm 2021E

— Hội đồng quản trị MWG đã thống nhất kế hoạch kinh doanh năm 2021E để trình phê duyệt tại ĐHCĐ với doanh thu thuần là 125,000 tỷ đồng và lợi nhuận là 4,750 tỷ đồng, tương ứng với mức tăng trưởng doanh thu 14% YoY và tăng trưởng lợi nhuận 38% YoY so với kế hoạch năm 2020E. MWG sẽ tiếp tục đẩy mạnh việc mở rộng DMS trên toàn quốc, đặt mục tiêu đạt 1,000 cửa hàng vào cuối năm 2021E và chuỗi điện thoại, điện tử gia dụng dự kiến đóng góp 75% tổng doanh thu. Đối với chuỗi cửa hàng bách hóa, các cửa hàng quy mô lớn sẽ được nâng cấp và mở rộng tại các khu vực thành thị ở miền Nam Việt Nam, nâng tổng số cửa hàng của chuỗi lên 2,500 cửa hàng vào cuối năm 2021E.

CTCP Vĩnh Hoàn (VHC)

Xuất khẩu tháng 11 giảm nhẹ do tắc nghẽn tại Trung Quốc

Doanh thu cá tra đi ngang nhưng tổng doanh thu giảm nhẹ do mảng thức ăn cho cá sụt giảm

— Doanh thu tháng 11 của VHC đạt 660 tỷ VND, giảm 6% YoY, chủ yếu do mảng thức ăn cho cá vẫn giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước, trong khi mảng cá tra hầu như chỉ đi ngang và đạt 475 tỷ đồng (-1% YoY). Doanh thu từ thức ăn cho cá tiếp tục giảm mạnh 64% YoY xuống còn 15 tỷ VND trong tháng 11 khi nông dân vẫn còn lo ngại tình hình xuất khẩu không ổn định nên chưa muốn thả nuôi nhiều, dù giá cá tra nguyên liệu đã được cải thiện từ mức thấp 18,000 VND/kg hồi quý 3 lên mức 22,000 VND/kg. Doanh thu từ Collagen & Gelatin giảm 10% YoY và đạt 42 tỷ VND và là mức tiêu thụ ổn định kể từ khi lần đầu đưa sản phẩm Collagen đạt chuẩn ASC đầu tiên trên thế giới ra tiêu thụ tại Thụy Điển vào tháng 10/2019.

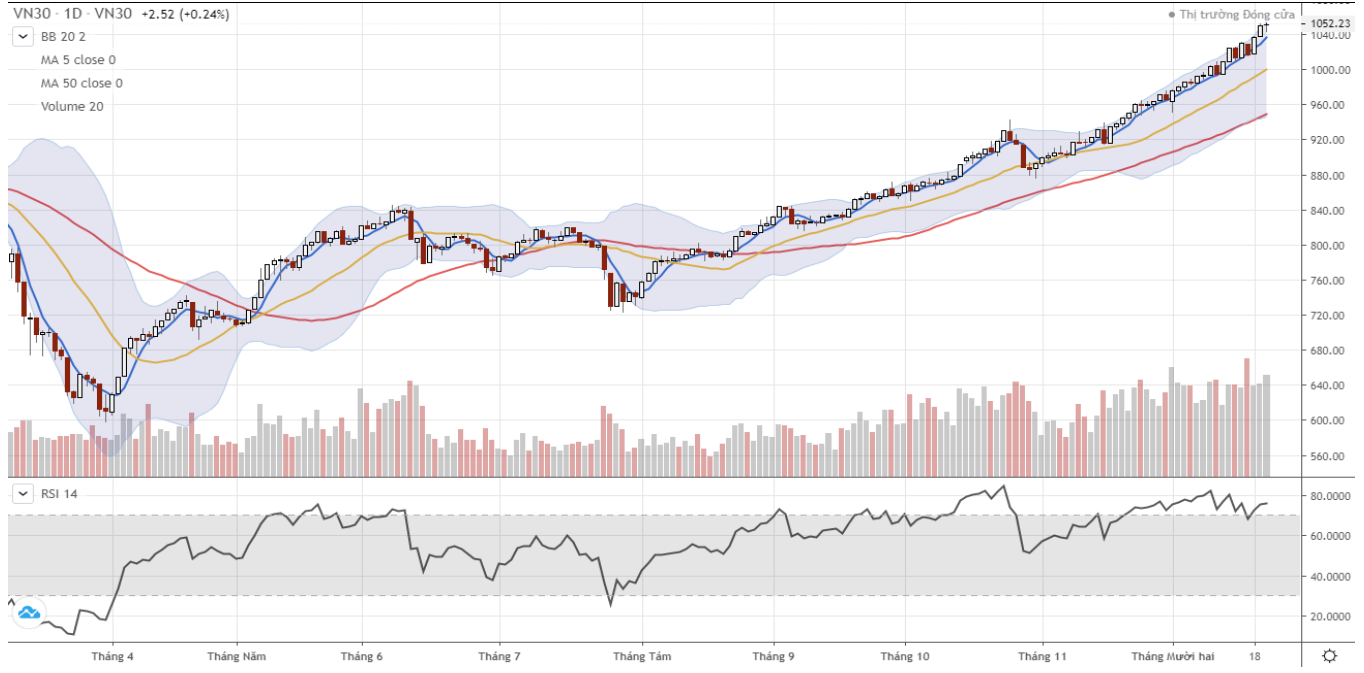
Tắc nghẽn tại cửa khẩu Trung Quốc; dấu hiệu phục hồi tại thị trường EU

— Doanh thu tháng 11 giảm 10% so với tháng 10 do xuất khẩu bị tắc nghẽn tại cửa khẩu Trung Quốc. Mặc dù thị trường này có dấu hiệu hồi phục sớm vào tháng 9 và 10, xuất khẩu của VHC sang thị trường này bị giảm 28% MoM và 20% YoY trong tháng 11, chỉ đạt 150 tỷ VND sau khi Trung Quốc siết chặt quy định nhập khẩu thủy sản đông lạnh từ ngày 10/11 để phòng dịch COVID-19. Những thủ tục phức tạp và mất thời gian khiến thủy sản nhập khẩu mất từ 20-30 ngày để được thông quan, làm gián đoạn xuất khẩu cá tra sang Trung Quốc và sẽ còn kéo dài ít nhất đến hết quý 1/2021E. Xuất khẩu sang thị trường Mỹ đạt 250 tỷ VND, tăng 3% so với tháng trước do giá xuất khẩu cải thiện, nhưng vẫn giảm 8% YoY do đại dịch năm nay. Xuất khẩu sang thị trường EU đạt 89 tỷ VND, tăng 27% MoM và 85% YoY tiếp tục đà hồi phục kể từ làn sóng đại dịch thứ 2 diễn ra vào tháng 9.

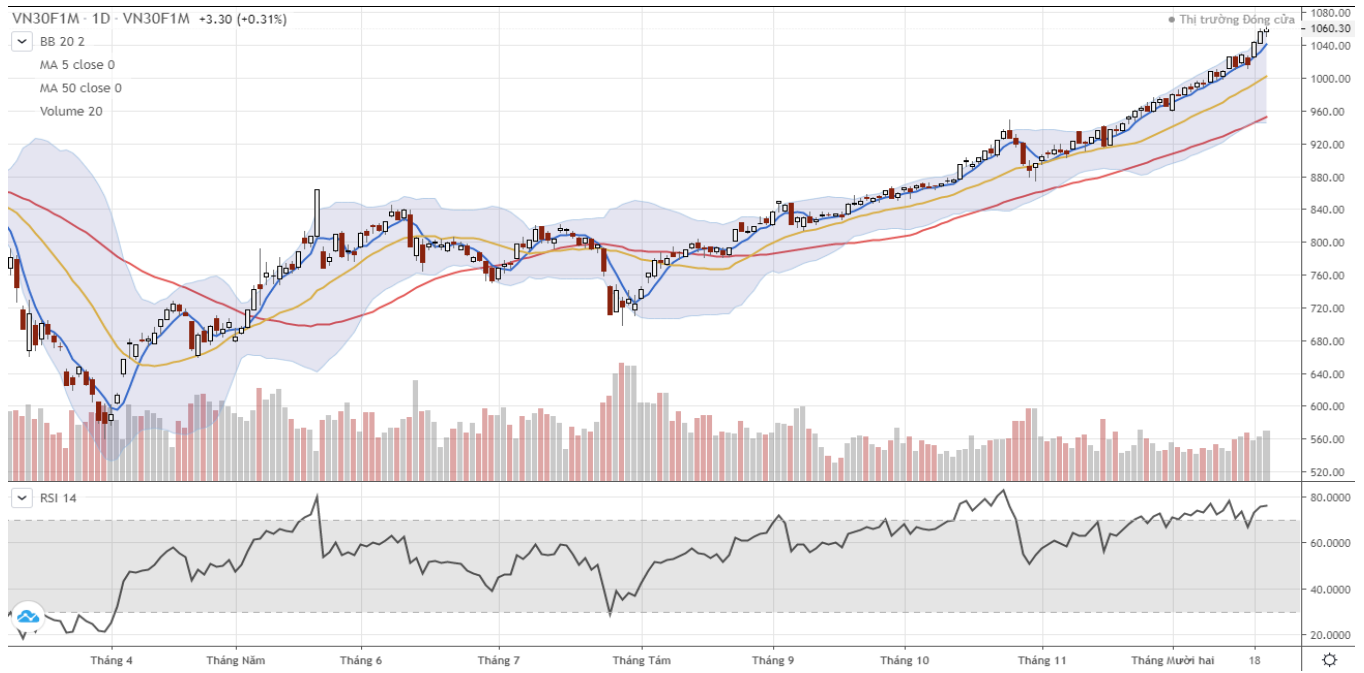
Đã đạt kế hoạch doanh thu của kịch bản tiêu cực; duy trì khuyến nghị MUA

— Chúng tôi tiếp tục khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu CTCP Vĩnh Hoàn (VHC, MUA, giá MT 56,100 VND/cp) với kỳ vọng VHC sẽ được hưởng lợi nhiều nhất khi xuất khẩu cá tra đảo chiều trong năm 2021E. Mặc dù làn sóng đại dịch thứ 2 đã trì hoãn sự phục hồi ở hầu hết các thị trường, chúng tôi tiếp tục kỳ vọng xuất khẩu cá tra Việt Nam sẽ đảo chiều tăng trưởng dương trở lại trong nửa đầu 2021E. Lũy kế doanh thu xuất khẩu 11 tháng đầu năm 2020 của VHC đạt 6,500 tỷ VND (-8% YoY) và đã hoàn thành kế hoạch doanh thu của kịch bản tiêu cực, phù hợp với kỳ vọng thị trường (nhưng khó đạt mục tiêu doanh thu trong kịch bản tích cực là 8,600 tỷ VND). Tuy nhiên, giá cổ phiếu VHC có thể sẽ bị ảnh hưởng tiêu cực từ việc Việt Nam bị Mỹ gắn mác thao túng tiền tệ do xuất khẩu của VHC phụ thuộc nhiều vào thị trường Mỹ với khoảng 35% tỷ trọng doanh thu.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1066 - 1070

Kháng cự gần: 1063 - 1065

Hỗ trợ gần: 1053 - 1057

Hỗ trợ xa: 1046 - 1050

- F1 diễn biến giằng co và rung lắc mạnh vào cuối phiên sáng trước khi hồi phục trở lại trong phiên chiều.
- Diễn biến rung lắc trong phiên tạo mẫu hình "hanging man" sau 1 nhịp tăng kéo dài và 1 số chỉ báo đã ở trên vùng quá mua khá lâu báo hiệu rủi ro xuất hiện nhịp điều chỉnh. Tuy nhiên, kịch bản này chỉ được xác nhận nếu F1 có thêm 1 phiên giảm điểm kế tiếp xác nhận.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở vị thế SHORT ở các vùng kháng cự nhưng đặt STOP đồng thời đảo sang LONG khi vượt cản.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Chờ SHORT lại khi chỉ số tiến lên cận trên của các vùng kháng cự.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

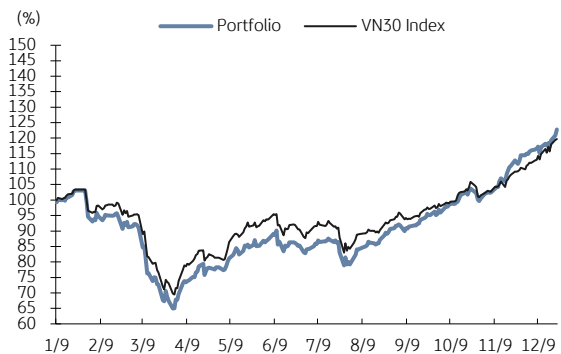
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.24%	1.61%
Tăng lũy kế (YTD)	19.70%	22.80%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 22/12/2020	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	119,900	3.2%	3.5%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	29,350	0.0%	20.0%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	78,300	1.3%	2.2%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	23,200	-0.2%	35.3%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - Mcredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	48,600	3.2%	42.9%	- Mảng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	58,100	1.0%	73.5%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	34,800	-0.1%	42.6%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	85,300	-1.2%	16.2%	- Hướng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	39,350	2.1%	101.4%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbaco City Development (KBC)	09/03/2020	20,300	6.8%	48.2%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hướng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
HPG	2.1%	33.5%	68.1
MBB	-0.2%	23.0%	49.8
CTG	-0.1%	29.0%	27.2
TPB	3.8%	29.8%	24.7
VCI	5.5%	26.0%	23.2

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
LCG	6.8%	23.2%	-106.9
VNM	-1.0%	58.0%	-46.8
VRE	-0.3%	30.6%	-34.2
KBC	6.8%	18.2%	-29.3
VND	6.6%	33.0%	-26.3

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VCS	-0.5%	3.4%	0.7
PVS	-0.6%	10.7%	0.6
IDV	1.5%	16.7%	0.6
PLC	3.5%	1.2%	0.3
NVB	0.0%	4.6%	0.3

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
APS	0.0%	27.7%	-1.1
BNA	-2.3%	1.0%	-1.1
BVS	2.7%	21.0%	-0.9
HMH	3.9%	17.8%	-0.7
API	-7.4%	44.0%	-0.6

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	17.8%	GVR, DPM
Dịch vụ tài chính	11.9%	SSI, VCI
Ngân hàng	4.9%	VPB, TCB
Xây dựng và Vật Liệu	3.7%	VGC, HT1
Bán lẻ	3.6%	MWG, FRT

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bảo hiểm	-2.0%	BVH, BMI
Dầu khí	-0.6%	PLX, PVD
Thực phẩm và đồ uống	0.0%	VNM, VHC
Du lịch và Giải trí	0.0%	VJC, VNS
Truyền thông	0.1%	YEG, PNC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	38.3%	GVR, DPM
Dịch vụ tài chính	32.8%	SSI, VND
Ngân hàng	13.7%	BID, VCB
Xây dựng và Vật Liệu	8.4%	HT1, HBC
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	7.9%	GMD, LGC

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bảo hiểm	2.2%	BMI, BIC
Ô tô và phụ tùng	2.6%	TCH, SVC
Y tế	3.7%	VMD, VDP
Công nghệ thông tin	3.7%	SAM, CMG
Truyền thông	4.1%	YEG, PNC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	105,700	357,523 (15,459)	92,290 (4.0)	22.8	63.1	43.2	14.2	6.4	8.5	3.7	3.4	-0.7	-1.2	1.8	-8.1
	VHM	VINHOMES JSC	86,900	285,859 (12,360)	250,220 (10.8)	27.0	10.8	9.1	34.2	36.8	30.9	3.3	2.5	-0.2	1.0	10.7	2.5
	VRE	VINCOM RETAIL JS	30,300	68,851 (2,977)	211,289 (9.1)	18.4	30.4	22.0	-11.8	8.2	10.8	2.4	2.2	-0.3	0.7	9.6	-10.9
	NVL	NO VA LAND INVES	66,700	65,785 (2,845)	133,424 (5.8)	32.8	17.1	16.3	3.1	14.7	13.5	2.5	2.2	0.6	1.8	8.3	12.1
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,800	16,094 (696)	58,024 (2.5)	10.1	14.6	12.9	14.7	14.2	15.1	2.0	1.8	2.5	4.0	8.9	12.4
	DXG	DAT XANH GROUP	15,700	8,137 (352)	104,672 (4.5)	13.0	18.6	7.8	-56.9	3.2	14.0	1.1	1.0	5.7	5.4	10.2	8.3
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	97,900	363,099 (15,700)	96,844 (4.2)	6.3	22.8	18.8	10.1	19.1	19.1	3.8	3.1	-1.0	0.1	5.8	8.5
	BID	BANK FOR INVESTM	46,850	188,432 (8,148)	125,721 (5.4)	12.6	33.7	21.2	-7.2	9.3	12.2	2.4	2.2	-1.3	1.6	13.7	1.5
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	29,200	102,343 (4,425)	480,968 (20.8)	0.0	9.3	8.1	7.2	16.4	16.0	1.4	1.2	-0.7	11.7	24.8	24.0
	CTG	VIETNAM JS COMM	34,800	129,574 (5,603)	319,935 (13.8)	1.1	13.8	10.3	31.2	12.6	14.8	1.6	1.4	-0.1	-0.6	4.8	66.5
	VPB	VIETNAM PROSPERI	33,000	80,446 (3,478)	206,029 (8.9)	0.0	9.0	7.8	9.1	18.6	18.3	1.6	1.3	0.0	17.4	29.4	65.0
	MBB	MILITARY COMMERC	23,200	64,337 (2,782)	330,675 (14.3)	0.0	8.3	7.2	10.5	18.5	17.7	1.4	1.2	-0.2	7.9	20.2	28.3
	HDB	HDBANK	24,600	39,207 (1,695)	119,021 (5.1)	4.7	8.7	7.3	24.7	19.2	19.0	1.6	1.3	-1.4	10.6	21.0	47.3
	STB	SACOMBANK	17,150	30,933 (1,338)	335,997 (14.5)	14.3	17.7	13.8	11.5	7.1	8.4	1.1	1.0	0.9	7.5	21.2	70.6
	TPB	TIEN PHONG COMME	27,600	28,474 (1,231)	66,178 (2.9)	0.2	8.4	7.8	34.8	22.3	19.9	1.7	1.4	3.8	24.3	36.8	60.2
EIB	VIETNAM EXPORT-I	19,650	24,158 (1,045)	6,280 (0.3)	0.0	28.4	32.3	13.6	5.3	4.4	1.5	1.4	6.8	14.6	13.9	10.4	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	56,900	42,238 (1,826)	59,660 (2.6)	20.7	33.6	27.0	4.0	6.6	8.2	2.1	2.0	-0.4	-2.2	0.2	-17.1
	BMI	BAOMINH INSURANC	29,350	2,681 (116)	17,592 (0.8)	14.6	16.0	14.1	9.7	8.5	9.4	1.2	1.1	0.5	-3.1	1.9	18.3
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	29,600	17,788 (769)	233,398 (10.1)	52.4	15.4	14.4	-4.1	10.3	11.7	-	-	3.3	16.1	62.6	90.2
	VCI	VIET CAPITAL SEC	51,900	8,595 (372)	54,802 (2.4)	74.0	-	-	-	11.1	13.0	-	-	5.5	16.1	27.5	75.9
	HCM	HO CHI MINH CITY	30,650	9,350 (404)	133,500 (5.8)	51.9	-	-	-	11.0	17.1	-	-	-0.3	7.4	31.0	43.6
	VND	VNDIRECT SECURIT	27,500	5,734 (248)	56,235 (2.4)	16.1	-	-	-	7.4	11.2	-	-	6.6	20.1	60.8	91.0
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,900	229,652 (9,930)	268,214 (11.6)	42.0	22.4	20.4	6.2	38.9	39.1	7.8	7.1	-1.0	-1.2	-0.9	13.2
	SAB	SAIGON BEER ALCO	199,500	127,936 (5,532)	22,546 (1.0)	36.9	30.1	24.5	3.5	22.4	24.9	6.2	5.5	-0.3	0.3	3.9	-12.5
	MSN	MASAN GROUP CORP	82,800	97,264 (4,206)	76,605 (3.3)	15.3	89.5	36.8	-52.5	3.5	8.8	3.1	2.9	-1.2	-2.0	1.0	46.5
	HNG	HOANG ANH GIA LA	14,900	16,517 (714)	76,390 (3.3)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	1.7	4.6	26.8	7.2
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	123,600	64,746 (2,800)	72,169 (3.1)	11.1	-	29.7	-	-4.3	14.1	4.5	4.0	-1.7	-1.1	4.0	-15.5
	GMD	GEMADEPT CORP	33,550	9,962 (431)	142,432 (6.2)	10.4	24.6	22.6	-53.1	7.1	7.5	1.7	1.6	-1.9	1.1	24.7	44.0
	CII	HO CHI MINH CITY	19,200	4,586 (198)	46,961 (2.0)	41.2	10.1	9.5	135.9	9.1	8.9	0.9	0.8	-0.3	-0.3	12.9	-14.7
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	2,340	1,328 (057)	12,777 (0.6)	47.1	-	-	-	-	-	-	-	6.8	7.3	5.9	-86.5
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	22,100	10,386 (449)	160,246 (6.9)	36.7	30.3	12.7	-17.7	11.3	12.4	-	-	6.5	5.7	1.8	14.2
	CTD	COTECCONS CONSTR	71,500	5,455 (236)	80,720 (3.5)	3.0	10.7	10.2	-39.8	6.3	6.5	0.7	0.7	0.6	0.4	16.8	39.4
	REE	REE	48,600	15,068 (652)	24,756 (1.1)	0.0	10.1	8.9	-8.7	13.4	13.6	1.3	1.2	3.2	2.3	9.2	33.9

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDm)	GTGD (VNDtriệu, USDm)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiền ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	85,300	163,260 (7,059)	100,844 (4.4)	45.9	20.0	16.7	-14.9	17.0	19.3	3.3	3.3	-1.2	-0.1	4.3	-9.0
	NT2	PETROVIETNAM NHO	25,100	7,226 (312)	13,791 (0.6)	30.3	11.4	10.6	-8.4	13.7	16.9	1.8	1.7	0.8	5.9	9.1	15.9
	PPC	PHA LAI THERMAL	24,850	7,967 (344)	8,079 (0.3)	33.7	10.4	9.6	-17.4	13.1	14.4	1.3	1.3	3.5	2.7	7.6	-7.6
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	39,350	130,378 (5,637)	883,203 (38.2)	15.6	11.2	9.1	15.9	20.8	20.9	2.2	1.8	2.1	1.9	10.2	100.9
	DPM	PETROVIETNAM FER	19,550	7,651 (331)	59,029 (2.6)	36.2	10.8	11.9	8.0	9.7	8.9	0.9	0.9	6.8	8.6	13.7	51.0
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,350	7,067 (306)	46,437 (2.0)	46.3	12.4	16.9	-1.5	10.1	7.7	1.1	1.1	6.8	6.8	9.0	105.4
	HSG	HOA SEN GROUP	22,000	9,775 (423)	228,661 (9.9)	36.8	8.4	7.7	71.2	15.9	15.5	1.3	1.1	1.6	5.3	19.6	195.8
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	14,450	3,204 (139)	42,399 (1.8)	97.3	6.0	8.6	58.8	14.3	9.0	-	-	1.4	8.6	17.5	19.5
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	53,200	64,841 (2,804)	47,003 (2.0)	4.2	57.5	19.3	-43.1	5.1	14.9	2.7	2.6	-1.5	-1.3	5.1	-5.0
	PVD	PETROVIETNAM DRI	14,650	6,170 (267)	121,302 (5.2)	39.1	46.6	45.9	-6.2	0.9	0.9	0.5	0.5	-0.3	7.3	15.8	-2.7
	PVT	PETROVIET TRANSP	13,250	4,288 (185)	43,681 (1.9)	32.7	8.4	8.1	-8.6	11.1	10.4	0.9	0.8	0.0	-1.1	0.9	-9.3
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	119,900	54,267 (2,346)	138,099 (6.0)	0.0	14.1	10.9	12.9	28.1	28.7	3.5	2.8	3.2	4.0	8.2	5.2
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	78,300	17,627 (762)	72,480 (3.1)	0.0	18.0	14.7	4.4	21.6	22.7	3.5	3.0	1.3	1.6	6.4	-9.0
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	46,000	1,439 (062)	1,592 (0.1)	70.3	19.3	14.1	-28.1	6.7	8.5	1.2	1.2	1.9	0.0	2.4	24.3
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,900	2,283 (099)	61,531 (2.7)	26.9	68.9	20.6	-48.9	2.8	9.3	1.9	1.8	-0.7	7.8	27.3	37.3
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	66,200	8,970 (388)	68,857 (3.0)	35.4	10.2	9.4	29.5	35.5	32.6	-	-	3.1	3.6	2.5	73.3
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	103,000	13,467 (582)	739 (0.0)	45.2	17.9	17.7	13.6	21.4	20.3	3.5	3.3	-1.1	-2.4	0.4	12.6
	PME	PYMEPHARCO JSC	76,300	5,723 (247)	1,070 (0.0)	23.9	-	-	-	-	-	-	-	0.1	-0.3	3.5	40.5
IT	FPT	FPT CORP	58,100	45,545 (1,969)	126,308 (5.5)	0.0	13.5	11.6	19.3	23.5	25.0	2.8	2.5	1.0	2.5	5.3	14.6

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Ví mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Ví mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh
anhtd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ví mô – Thái Thị Việt Trinh
trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng
tungla@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp – Trần Thị Phương Anh
anhhttp@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu
hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng
tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga
ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Nguyễn Ngọc Hiếu
hieunn@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Khách hàng Quốc tế (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim
harrison.kim@kbf.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung
dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Thủy sản – Nguyễn Thanh Danh
danhnt@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.